|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung so sánh | Clean Code | Coding Convention | Refactory Code |
| - Khái niệm  - Mục đích  -Đặc điểm  -Các quy tắc | - Là thuật ngữ để chỉ đến những mã nguồn ‘Tốt ‘  -Không bị giảm năng suất theo thời gian nếu làm việc với mã nguồn  -Đơn giản  -Trực tiếp  -Dễ đọc , dễ cải tiến  -Có unit test và acceptance test  -Không có mã bị trùng  -Các định danh thể hiện rõ ý nghĩa  -Có ít sự phụ thuộc  -Thể hiện được ý tưởng thiết kế  -Đặt tên:  +Tên lớp  +Tên phương thức  +Tên biến | - Là tập hợp những nguyên tắc chung khi lập trình  -Code dễ đọc, dễ hiểu  -Dễ quản lý  -Phát triển hơn  -Không xung  đột  -Thể hiện được ý tưởng thiết kế  -Code chuẩn  -Đặt tên  -Quy tắc về số lượng  -Quy tắc xuống hàng | - Là các kỹ thuật cho phép chỉnh sửa mã nguồn nội bộ mà không làm thay đổi hành vi của hệ thống đối với bên ngoài  -Dễ duy trì hơn  -Mã nguồn dễ mở rộng hơn  -Chỉnh sửa cấu trúc để mã nguồn để dễ duy trì và mở rộng  -Đổi tên biến, pên phương thức  -Tách biến  -Tách hằng  -Tách phương thức |